

Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ; điểm cộng trong xét tuyển đại học chính quy của Trường Đại học Văn Hiến

Công nhận điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ; điểm cộng trong xét tuyển đại học chính quy của Trường Đại học Văn Hiến theo bảng quy đổi sau đây:

1. Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ và điểm khuyến khích

1.1. Bảng quy đổi các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10

IELTS	TOEIC		Cambridge Tests/ Linguaskill	TOEFL iBT (0-120)	TOEFL ITP (0-677)	APTIS Gen (0-250)	APTIS Adv (0-200)	PTE Academic (0-90)	PEIC (0-100)	VEPT (0-90)	VSTEP (0-10)	ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH
	L - R (0-495)	S- W (0-200)											
>=7.0	L: 490 - 495 R: 455 - 495	S: 180 - 200 W: 180 - 200	200 – 230	>=94	>=600	-	C2	85-90	Level 5	85-90	Bậc 5 >=8.5	10.0	1.5
6.5						-	-		-	-	Bậc 4 8/10	9.5	1.5
6.0	L: 400 - 485 R: 365 - 450	S: 160 - 179 W: 150 - 179	180-199	79-93	550-599	C	C1	76-84	Level 4	76-84	Bậc 4 7/10	9.0	1.5
5.5						-	-		-		Bậc 4 6/10	8.5	1.0
5.0	L: 340 - 395 R: 305 - 360	S: 140 - 159 W: 130 - 149	160-179	60-78	500-549	B2	B2	59-75	Level 3	67-75	Bậc 3 5.5/10	8.0	1.0

IELTS	TOEIC		Cambridge Tests/ Linguaskill	TOEFL iBT (0-120)	TOEFL ITP (0-677)	APTIS Gen (0-250)	APTIS Adv (0-200)	PTE Academic (0-90)	PEIC (0-100)	VEPT (0-90)	VSTEP (0-10)	ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH
	L - R (0-495)	S- W (0-200)											
4.5						-	-		-		Bậc 3 5/10	7.0	0.5
4.0	L: 275 - 335 R: 275 - 300	S: 120 - 139 W: 120 - 129	140-159	45-59	450-499	B1	B1	43-58	Level 2	43-66	Bậc 3 4 - 4.5/10	6.0	0.5

1.2. Bảng quy đổi điểm các chứng chỉ ngoại ngữ khác sang thang điểm 10

Tiếng Pháp		Tiếng Hàn	Tiếng Trung		Tiếng Nhật		ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH
DELTA/DALF	TCF	TOPIK	HSK	TOCFL	JLPT	J.TEST		
DALF C2	C2 600 - 699	TOPIK 6	HSK 6	TOCFL Level 6	N1	A	10	1.5
DALF C1	C1 500 - 599	TOPIK 5	HSK 5	TOCFL Level 5	-	B	9.0	1.5
DELTA B2	B2 400-499	TOPIK 4	HSK 4	TOCFL Level 4	N2	C	8.0	1.0
DELTA B1	B1 300 - 399	TOPIK 3	HSK 3	TOCFL Level 3	N3	D	6.0	0.5

2. Thang điểm cộng

2.1. Điểm thưởng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	THÀNH TÍCH/ NĂNG KHIẾU	MỨC ĐIỂM XÉT THƯỞNG	ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN
1	Học sinh giỏi quốc gia, quốc tế	Giải Nhất	3,00 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Nhì	2,5 điểm	
		Giải Ba	2,0 điểm	
2	Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế	Giải Nhất	3,00 điểm	Không quá 03 năm

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	THÀNH TÍCH/ NĂNG KHIẾU	MỨC ĐIỂM XÉT THƯỞNG	ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN
		Giải Nhì	2,5 điểm	
		Giải Ba	2,0 điểm	
3	Nghệ thuật quốc tế (ca, múa, nhạc, mỹ thuật)	Giải Nhất	3,00 điểm	Không quá 04 năm
		Giải Nhì	2,5 điểm	
		Giải Ba	2,0 điểm	
4	Thể thao quốc tế (thành viên đội tuyển quốc gia)	Tham gia và hoàn thành nhiệm vụ tại các giải quốc tế chính thức	3,0 điểm	Không quá 04 năm
5	Tay nghề khu vực ASEAN, quốc tế	Giải Nhất	3,00 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Nhì	2,5 điểm	
		Giải Ba	2,0 điểm	

2.2. Điểm xét thưởng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	THÀNH TÍCH/ NĂNG KHIẾU	MỨC ĐIỂM XÉT THƯỞNG	ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN
1	Học sinh giỏi quốc gia, quốc tế	Giải Nhất	1,50 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Nhì	1,25 điểm	
		Giải Ba	1,00 điểm	
2	Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế	Giải Nhất	1,50 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Nhì	1,25 điểm	
		Giải Ba	1,00 điểm	
3	Nghệ thuật quốc tế (ca, múa, nhạc, mỹ thuật)	Giải Nhất	1,50 điểm	Không quá 04 năm
		Giải Nhì	1,25 điểm	
		Giải Ba	1,00 điểm	

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	THÀNH TÍCH/ NĂNG KHIẾU	MỨC ĐIỂM XÉT THƯỜNG	ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN
4	Thể thao quốc tế (thành viên đội tuyển quốc gia)	Tham gia và hoàn thành nhiệm vụ tại các giải quốc tế chính thức	1,50 điểm	Không quá 04 năm
5	Tay nghề khu vực ASEAN, quốc tế	Giải Nhất	1,50 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Nhì	1,25 điểm	
		Giải Ba	1,00 điểm	
6	Học sinh giỏi, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Giải Khuyến khích học sinh giỏi quốc gia	1,50 điểm	Không quá 03 năm
		Giải Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	1,50 điểm	
7	Thể dục thể thao cấp quốc gia	Huy chương Vàng	1,50 điểm	Không quá 04 năm
		Huy chương Bạc	1,25 điểm	
		Huy chương Đồng	1,00 điểm	
		Vận động viên kiện tướng quốc gia	1,50 điểm	
8	Nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc (ca, múa, nhạc, mỹ thuật)	Giải Nhất	1,50 điểm	Không quá 04 năm
		Giải Nhì	1,25 điểm	
		Giải Ba	1,00 điểm	